

MA THUẬT NHẬN DIỆN VÀ NGHIÊN CỨU TRONG NHÂN HỌC (Phần 1)

Tóm tắt: Trong ngành nhân học, việc tạo ra môi trường cho các cuộc thảo luận về ma thuật với nghĩa một dạng trải nghiệm và biểu đạt tôn giáo là chính đáng và cấp bách. Bài viết đề cập đến những quan điểm và tranh luận về khái niệm ma thuật như một phần của nhân học tôn giáo và mối quan hệ giữa ma thuật, tôn giáo và khoa học; phân tích một số quan điểm tiêu biểu trong nghiên cứu ma thuật dưới góc độ nhân học từ hơn một thế kỷ qua; nhấn mạnh những vấn đề xã hội, tinh thần mà ma thuật đóng góp; đặt ra những vấn đề mà khoa học hiện đại cần quan tâm và ứng xử đúng với các thực hành ma thuật chưa thể giải thích bằng khoa học thực nghiệm. Những ví dụ sống động từ cuộc sống của con người liên quan đến thực hành ma thuật ở Việt Nam và các nước trên thế giới cần được nghiên cứu dưới góc độ của các ngành khoa học liên quan một cách nghiêm túc và có hệ thống nhằm khám phá sự đa dạng của cuộc sống, các hiện tượng tự nhiên và mối quan hệ giữa chúng.

Từ khóa: Khoa học, ma thuật, nhân học, thực hành, tôn giáo.

1. Về thuật ngữ “ma thuật”

Thuật ngữ ma thuật (magic trong tiếng Anh¹) có nhiều sắc thái ý nghĩa, bắt nguồn từ tiếng Latinh *magicus*, được sử dụng để đề cập tới nghệ thuật mang tính ảo thuật². Thuật ngữ này rất khó có một từ tương đương trong các ngôn ngữ khác. Ở các tộc người trên thế giới, ma thuật là một phần không thể tách rời khỏi lĩnh vực tư tưởng và ứng xử tôn giáo, có nghĩa là liên quan tới cái thiêng, tách khỏi cuộc sống hằng ngày. Ở một số nơi, đặc biệt là những xã hội có nền công nghiệp phát triển, ma thuật nhìn chung được cho là những thực hành mang tính mê tín. Thêm vào đó, khoa học xã hội ở Phương Tây thời kỳ đầu còn cho rằng, ma

* PGS.TS., Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.

thuật là niềm tin của người nguyên thủy còn sót lại, hoặc là thực hành của người không theo Công giáo. Trên thực tế, trong ngành Nhân học, khó có thể tách ma thuật ra khỏi tôn giáo³. Thuật ngữ ma thuật còn có nghĩa là nghệ thuật thực hiện các hành động thông qua động tác, lời nói, thần chú mang tính huyền bí của thầy cúng, thầy pháp có khả năng giao tiếp với lực lượng siêu nhiên để đạt được mục đích mong muốn⁴. Thực hành ma thuật tồn tại trong văn hóa loài người từ rất sớm và ngày nay tiếp tục có vai trò tôn giáo, chữa bệnh quan trọng trong nhiều nền văn hóa, trong đó có nhiều tộc người ở Việt Nam. Ban đầu, thuật ngữ ma thuật là một phạm trù tách ra khỏi tôn giáo, được biết đến một cách rộng rãi trong Do Thái giáo. Ở đó, ma thuật bị cho là thực hành của những kẻ ngoại giáo để cầu xin các vị thần thánh⁵.

Về mặt loại hình ma thuật, theo O'Connor, có ma thuật lời nói và cử chỉ, ma thuật nghi lễ, bói toán và tiên tri. Ma thuật lời nói và cử chỉ là việc sử dụng ảnh hưởng của tinh thần, thường gọi là sự quyến rũ hoặc sự bỏ bùa, thông qua việc mê hoặc và bỏ bùa kết hợp với các hành động cử chỉ. Chẳng hạn, hành động buộc nút thắt để đạt được hoặc ngăn ngừa tác dụng. Khi thực hiện ma thuật, người thực hành tôn giáo thường phải giao tiếp với thần linh thông qua hình thức niệm chú kết hợp với các động tác mang tính biểu tượng nhằm thể hiện quyền uy của pháp sư để đạt được mục đích mong muốn. Các nhà nghiên cứu Trung Quốc chia ma thuật làm bốn loại: ma thuật giao tiếp, ma thuật tiếp xúc, ma thuật truyền nhiễm và ma thuật lây lan⁶. Ma thuật giao tiếp thể hiện nhiều trong nghi thức gọi hồn vía, cầu đảo thông qua các hình thức niệm chú, mật chú và khấn cầu. Ma thuật tiếp xúc, còn gọi là ma thuật ma sát, thể hiện thông qua hình thức bằng tay hay bằng chân hoặc pháp khí, linh khí, vật linh của người thực hành tôn giáo hay người đi lễ đạt được mục đích mà họ mong muốn, như cầu đảo, cầu mưa, cầu tự, chữa bệnh, cầu may⁷. Hình thức ma thuật tiếp xúc còn thấy cả trong Phật giáo và Đạo giáo: Ở di tích Chùa Hương (Mỹ Đức, Hà Nội) vào dịp đầu xuân người dân đi lễ thường dùng tay để xoa cây vàng, cây bạc và hứng những giọt nước trên hang động rơi xuống bàn tay, gọi là giọt sữa mẹ⁸. Ở đền Quán Thánh (Ba Đình, Hà Nội), người đi lễ thường dùng tiền mặt hay dùng cả bàn tay xoa lên bàn chân tượng Trấn Vũ để cầu may, chữa bệnh, cầu tài. Các linh mục Công giáo làm phép thánh tẩy (rửa tội cho trẻ em Công giáo mới sinh). Với ma thuật truyền nhiễm, chủ yếu các vị pháp sư thực hiện bằng

hình thức niệm chú, kết hợp với bùa chú để chữa bệnh cho con người, gia súc, gia cầm, buôn bán, tình duyên và cầu tự. Với ma thuật lây lan, chủ yếu các pháp sư dùng cành thiên tuế, cành ngâu hay cành đào nhúng vào bát nước phép được niệm chú rồi vẩy lên người bệnh, xung quanh nhà (lễ trấn trạch), xung quanh nơi làm lễ (cầu an, hô thần nhập tượng, tang ma), thánh tẩy (Công giáo). Có thể nói, bốn loại hình ma thuật nêu trên đều diễn ra trong các nghi thức thực hành tôn giáo chủ yếu do các pháp sư (bao gồm cả thầy cúng và nhà sư) thực hiện. Còn các ông đồng, bà đồng thì thường ít thực hiện, vì họ chưa trải qua phép tu và học tập phương thức thực hành ma thuật⁹.

Các thực hành ma thuật rất đa dạng, bao gồm lễ thánh tẩy và thánh hóa tạo ra không gian thiêng đối với cá nhân và cộng đồng để cầu cúng, thỉnh cầu sự việc trần gian xin sự trợ giúp của các bậc thần thánh và lực lượng siêu nhiên. Những nghi lễ đánh dấu sự chuyển giao giữa các năm âm lịch, dương lịch và các lễ hội nông nghiệp, giữa các giai đoạn trong cuộc đời một con người. Những nghi lễ chuyển đổi về mặt nào đó cũng mang tính ma thuật, chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác, từ năm này sang năm khác, từ mùa này sang mùa khác, bởi các hành động nghi lễ và cầu cúng. Các nghi lễ chữa bệnh đi kèm với các hiện vật và kỹ thuật ma thuật mang tính bảo vệ và chữa trị được tiến hành kết hợp với các hành vi và lời nói. Những hành động nghi lễ này bao gồm việc chẩn đoán bệnh, đưa ra phương thức chữa trị về thể chất và tinh thần, chuẩn bị và tổ chức nghi lễ phục vụ cho việc chữa trị. Phương tiện vật chất của ma thuật chữa trị là các hiện vật mang tính thiêng như nước, rượu, bùa mê, bùa hộ mệnh cùng những lời thỉnh cầu¹⁰.

Thuật bói toán và tiên tri bao gồm những kỹ thuật trực giác và tiên đoán kết hợp với trải nghiệm hư ảo và huyền bí; giấc mơ và lý giải giấc mơ; sử dụng các con số và phép tính số mang tính pháp thuật như thuật chiêm tinh; bói toán thông qua rút thăm hoặc sự may rủi; bói toán bằng động vật (con voi, con mực, con vẹt), thực vật (lá trầu, lá chè), hoặc thông qua các điềm báo bằng dấu hiệu, hay bói theo các nguyên tố như thuật bói nước, thuật bói đất, thuật bói lửa và thuật bói không khí; bói dựa trên các hệ thống ký hiệu chữ tượng hình như cổ bài; xem mặt, xem lòng bàn tay và các chất tự nhiên khác (pha lê, đá quý). Ngoài ra, ma thuật còn được xác định thông qua các thuật ngữ mang ngữ nghĩa tiêu cực như yêu thuật, ma quỷ, gọi hồn và phù thủy. Những thuật ngữ này

thường được sử dụng khi nói về ma thuật, và do đó, được sử dụng để nói đến những tương tác tiềm năng giữa con người và thế giới tâm linh, như trong câu thần chú mang tính ma thuật, sự làm phép mà bài viết sẽ đề cập ở phần dưới; trong việc thoát hồn và nhập hồn, yên vị hồn ma, yểm bùa các linh hồn xấu xa hay quấy phá. Phạm vi của lời nguyện rửa truyền thống và ma thuật xấu thường được coi là phép phù thủy đen, ngược lại với ma thuật cứu chữa, trợ giúp được gọi là phép phù thủy trắng. Một điều quan trọng nữa là các hoạt động và thể loại ma thuật này không chỉ là ngôn từ, hành động, vật chất, mà còn hàm chứa cả tinh thần, tình cảm và chủ tâm trong phương pháp và hình thức tổ chức thực hành.

Trong học thuật và ý thức của mọi người, ma thuật luôn gắn liền với các hiện tượng siêu nhiên và huyền bí (occult). Theo O' Connor, ma thuật và hiện tượng huyền bí có cùng một số đặc trưng và mối liên hệ nhất định. Cả hai đều dựa trên một khái niệm về sự thực được giải mã trên phương diện kiến thức và hoạt động bí truyền, tiềm ẩn và nội tại chỉ có ở những người được thụ giáo qua nghi lễ cấp sắc¹¹. Thuật ngữ khoa học huyền bí (occult science) nói đến một thực tại siêu việt, bí ẩn, bí truyền, thông qua xúc cảm, sự hiểu biết và kiến thức mang tính trực giác và được giải thích bằng các phương pháp nghiên cứu, thí nghiệm và thực hành mang tính học thuật. Khoa học huyền bí bao gồm những hệ thống niềm tin tôn giáo và thực hành ma thuật khác nhau như thuật giả kim, thuật chiêm tinh, thuật làm bùa hộ mệnh, các hệ thống lý giải giấc mơ và hiện tượng siêu phàm, bùa chú, yêu thuật, v.v...

Một thành phần cơ bản của hành động ma thuật là những từ ngữ được nói ra. Đó là những câu thần chú đi kèm với những động tác, nghi lễ, đồ thờ cúng. Câu thần chú thường là văn bản miệng được truyền không có sự thay đổi từ thế hệ này sang thế hệ khác. Việc làm sai lệch khỏi hình thức truyền thống có thể làm cho ma thuật vô hiệu lực. Một khía cạnh khác của thực hành ma thuật là những điều kiện được quy định từ trong truyền thống của người thực hiện nghi lễ và điều kiện của nghi lễ. Nghi lễ thường thực hiện ở những nơi đặc biệt và vào những thời gian đặc biệt. Người thực hiện cần phải quan sát một số kiêng kỵ, như kiêng quan hệ tình dục và tránh một số thức ăn tanh hôi.

2. Ma thuật, khoa học và tôn giáo

Vào cuối thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực nhân học, xã hội học, tôn giáo học gặp nhiều khó khăn trong việc coi ma thuật hoặc

nghệ thuật phù phép và các ngành khoa học huyền bí là tàn dư của các loại hình thờ cúng trong dân chúng và thực hành phi logic, phi lý, nguyên thủy và đơn giản. Ma thuật cũng từng được định nghĩa trên phương diện tiêu cực nhất trong các cuộc tranh luận học thuật: nó không phải là tôn giáo. Ma thuật luôn là một cái gì đó thấp kém hơn tôn giáo, thường bị coi một cách thô bạo là hiện tượng mê tín. Đến lượt mình, các hình thức thờ cúng trong dân chúng và hoạt động ma thuật lại bị coi thường, là nguyên thủy, thô thiển, phi lý, thô tục, máy móc và bậy bạ, nói một cách khác là đi ngược với tôn giáo, một hiện tượng được cho là văn minh, văn hóa, tinh khiết, thiêng liêng, không vụ lợi, hợp lý và đầy ý nghĩa tinh thần và xã hội. Một xu hướng có liên quan trong cuộc tranh luận coi ma thuật đơn thuần là phản ứng chống xã hội của các cá nhân có tâm lý và ý thức xã hội không bình thường. Hay ma thuật là những thực hành mù quáng, lạc hậu, kém văn minh, tàn dư của con người mông muội. Những quan niệm mang tính lịch sử của giới trí thức, thậm chí của các quan điểm chính thống nhà nước liên quan đến sự phản đối ma thuật và tôn giáo được một số nhà sử học và nhân loại học miêu tả¹². Họ nêu ra một cách rõ ràng rằng, định kiến văn hóa đối với ma thuật trong nghiên cứu về tôn giáo và ma thuật (ở các ngành khoa học xã hội và nhân văn) là một hiện tượng mang tính kế thừa, bắt nguồn từ mối quan hệ đối đầu ngày càng tăng và phức tạp của Công giáo đối với ma thuật từ cuối thời cổ đại cho đến đầu thời hiện đại.

Tư tưởng hiện đại của Phương Tây về tôn giáo là hệ thống giáo lý có tổ chức được chú trọng vào thế kỷ XVIII và là hệ quả của cải cách Tin Lành các thế kỷ XVI - XVII, nhấn mạnh mối quan hệ trực tiếp của cá nhân với Chúa, không nhấn mạnh vào nghi lễ và các hành động mộ đạo. Hệ quả của cải cách Tin Lành và Công giáo là sự tách bạch khái niệm tôn giáo với khái niệm ma thuật như là hai lĩnh vực riêng biệt.

Trong thực tế, ở Châu Âu thời Trung cổ là nơi có đầy ma thuật. Thậm chí ngày nay, một số người theo Công giáo vẫn sử dụng thần chú, di vật của thánh, xương thánh, miếng Thánh giá, khăn mạng của Đức Mẹ. Những hiện vật này đều mang tính thiêng và có thể dùng để làm phép màu. Giống như trong Phật giáo, Công giáo cho rằng, những di vật của thánh mang tính thiêng (hay có phép màu) có thể được ban phép có lợi về vật chất và tinh thần. Nhà thờ có những di vật như cơ thể thánh hoặc một phần cơ thể thánh trở thành những nơi hành hương quan trọng.

Ở Việt Nam cũng vậy. Những nhà truyền giáo cho rằng, đối với người theo Công giáo, những thực hành mang tính ma thuật như bùa chú, phép lạ bị biến mất, bởi sức mạnh ánh sáng của Chúa chiến thắng ma quỷ và tà thần. Trên thực tế, tín đồ của Công giáo vẫn hoài niệm niềm tin vào phép màu, phép lạ, nước phép, cây Thánh giá. Theo Vũ Hồng Thuật, hằng năm, họ thường đến các nhà thờ có các vị thánh hay làm phép lạ cầu nguyện để mong được giáng phúc nhân tiên. Ở Giáo xứ Kẻ Sặt (Hải Dương), một số gia đình Công giáo vẫn treo gương bát quái để trừ ma quỷ. Vào ngày lễ mừng Thánh Tỳ (xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, Hà Nội), một vị thánh tử đạo, tín đồ Công giáo từ mọi miền đất nước đến xin và tạ ơn thánh bằng nhiều cách. Họ cầu nguyện, xoa tay lên hộp đựng di vật của thánh, lấy khăn đắp lên hộp di vật rồi sau đó xoa vào chỗ đau, xin nước thánh được linh mục làm phép về để uống.

Để có thể đưa ra khái niệm tương đối thống nhất về ma thuật trong nhân học nói riêng, các ngành khoa học nhân văn nói chung, theo O' Connor, "tốt nhất ma thuật nên được coi là một phần của tôn giáo hoặc là một thể loại đặc biệt của trải nghiệm tôn giáo. Ma thuật không thể được hiểu một cách đầy đủ khi mối liên hệ ma thuật - tôn giáo không phải là cơ sở của định nghĩa"¹³. O' Connor giải thích thêm, mối quan hệ này có thể được làm rõ rằng, ma thuật luôn mang tính tôn giáo, nhưng tôn giáo lại không luôn là hoặc chỉ là ma thuật.

Trong nhân học và văn hóa học, việc tạo ra môi trường dành cho các cuộc thảo luận về ma thuật với danh nghĩa là một dạng trải nghiệm và biểu đạt tôn giáo là chính đáng và cấp bách. Việc làm sống lại thuật ngữ ma thuật là điều cần thiết. Bởi vì, thuật ngữ này truyền tải các yếu tố mang tính tinh thần, xúc cảm trong một số thực hành, trải nghiệm tôn giáo nhất định. Một điều dễ nhận ra là, trải nghiệm của người có căn số phải mở phủ, lên đồng trong thực hành thờ Mẫu của người Việt, giao tiếp với người thân trong các nghi thức áp vong, vong nhập, hay trong những trải nghiệm gặp Chúa Trời của Ấn Độ giáo. Những trải nghiệm tôn giáo này là một chủ đề nghiên cứu được ngành nhân học đặc biệt quan tâm, thậm chí còn trở thành vấn đề trung tâm của ngành¹⁴. Vì vậy, trong nghiên cứu, nếu chúng ta bỏ đi các yếu tố gây xúc cảm mạnh mẽ và những trải nghiệm này của văn hóa tôn giáo bằng cách không quan tâm đến ma thuật hoặc làm hạ giá trị của ma thuật, không coi là trải nghiệm tôn giáo thực sự, thì quan điểm về văn hóa tôn giáo sẽ bị hạn chế và bị bỏ

qua nhiều vấn đề quan trọng của trải nghiệm cá nhân và cuộc sống tâm linh của con người.

Gần đây, một số nhà nghiên cứu thay thế thuật ngữ ma thuật bằng các thuật ngữ khác, chẳng hạn như thuật ngữ nghi lễ. Mặc dù có nhiều hàm ý trong thuật ngữ ma thuật mang tính nghi lễ (hoạt động, lời nói, động tác, sân khấu tâm linh, đồ cúng, hiện vật thiêng, biểu tượng thiêng) và nhiều yếu tố chung (mang đậm tính tâm linh, liên quan đến tinh thần, tâm lý, xúc cảm), nhưng thuật ngữ nghi lễ không thể bao chứa hết hàm ý của các yếu tố ma thuật, mang tính trải nghiệm tinh thần, chủ tâm, lòng mong muốn, phép màu, làm phép, sự chuyển hóa mang tính biểu tượng, tâm linh, phép thuật của lời nói, hành động tác động lên trạng thái, vị trí xã hội (yếu tố ma thuật trong nghi lễ thành đình, nghi lễ mở phủ, nghi lễ hô thần nhập tượng, v.v...).

Việc định nghĩa lại thuật ngữ ma thuật là một phần của tôn giáo học, nhân học, cần có sự quan tâm hơn nữa theo chiều hướng tích cực về chủ đề ma thuật để làm sáng tỏ mối quan hệ giữa ma thuật, khoa học với tôn giáo. Hơn nữa, trong mối quan hệ gần gũi của ma thuật, nghi lễ, tôn giáo, việc ma thuật được định nghĩa là một phần của tôn giáo tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu lĩnh vực tâm linh nhằm hiểu bản chất tinh thần của đời sống con người. Việc định nghĩa lại thuật ngữ này cũng nhằm đề cao mối quan hệ qua lại phức tạp và tinh tế giữa hệ tư tưởng, giáo điều của các tôn giáo chính thống, các loại hình thờ cúng trong dân chúng và hoạt động của những người theo tôn giáo, những người thực hành các loại hình thờ cúng¹⁵.

Lịch sử lý thuyết về ma thuật có thể được tóm lược phần lớn thông qua việc đánh giá các đặc trưng chính của cuộc tranh luận liên quan đến định nghĩa và mối quan hệ giữa ma thuật, khoa học và tôn giáo. Cuộc tranh luận này bắt đầu vào thế kỷ XIX và kéo dài trong gần hết thế kỷ XX, chủ yếu giữa các nhà nhân học và những nhà xã hội học tiên phong. Cuộc tranh luận này hé lộ định kiến duy lý phủ định ma thuật. Ma thuật, giống như tôn giáo, cho đến nay vẫn chủ yếu được coi là không có thực xét trên khía cạnh thực tế của các nhà chức năng học. Đáng tiếc là, lý luận tâm lý về nhân quan và hoạt động ma thuật của các tín đồ vẫn luôn bị bôi xấu như một ảo tưởng, sự rối loạn, sự ngu dốt, hoặc sự lừa đảo mang tính chất xã hội và/ hoặc cá nhân theo như giả định mang tính học thuật của ngành tâm lý học là phi lý hoặc bệnh hoạn.

Cuộc tranh luận có liên quan đến mối quan hệ của ma thuật và khoa học sôi nổi nhất trong quá trình phân tích các ngành khoa học huyền bí hậu cổ đại và trung đại (thuật giả kim, chiêm tinh, bùa chú, bói toán, v.v...). Trong học thuật, mối quan hệ của ma thuật và khoa học vẫn thường bị giam hãm bởi các quan điểm của Phương Tây về sự hợp lý và phương pháp thực nghiệm khoa học. Khoa học theo phương thức Phương Tây được các nhà nhân học đầu tiên như Edward Tylor (1871) và James Frazer (1890) cũng như các nhà lịch sử khoa học cho là sự thể hiện dựa trên cơ sở thực tế, mạnh về kỹ thuật và hợp lý về mặt thực nghiệm. Do đó, các hệ kiến thức và thực hành ma thuật thời Trung cổ bị coi là khoa học giả tạo, một cách nói khác được dùng để ám chỉ khoa học tồi tệ hoặc phi khoa học. Nhìn nhận trên quan điểm lịch sử khoa học đương thời thì truyền thống khoa học ma thuật của các nền văn minh cổ đại và trung đại được ghi lại bằng tiếng Ấn Độ, Trung Quốc, Hi Lạp, La Mã,... trở thành những hiện tượng lỗi thời thú vị, mô hình trí thức và văn hóa thất bại, mô hình thí nghiệm không hoàn thiện dựa trên các bằng chứng thực tế không đầy đủ và sự giải đoán sai lầm các bằng chứng sẵn có.

Trong xã hội công nghiệp hiện đại, khoa học cung cấp kỹ thuật để đối đầu với sự khó khăn và tình thế bất lợi. Ví dụ, nếu ai bị ốm, khoa học (ở đây là y học) hiện đại cung cấp một sự giải thích (chẳng hạn bị viêm) và có một phác đồ điều trị bệnh (uống thuốc kháng sinh). Khoa học thực ra là một phương pháp luận để hiểu thế giới thông qua những quan sát, thử nghiệm khách quan và sự phát triển các luận điểm và lý thuyết. Khoa học giải quyết chỉ với những quan sát kinh nghiệm, là những quan sát mà chúng được đưa ra thông qua nhãn quan của chúng ta, như việc kiểm tra mô của động vật dưới kính hiển vi. Kết luận khoa học cần phải được kiểm chứng. Điều này có nghĩa là, các nhà khoa học cần phải có khả năng phát triển những thí nghiệm mới và những quan sát mới để kiểm chứng độ tin cậy của kết luận. Dù sao, tất cả các tộc người đều có những quan sát chi tiết về thế giới của họ và đôi khi điều khiển hiện vật trong môi trường để đi đến một số hiểu biết về thế giới của họ. Các dân tộc đều có hệ thống kỹ thuật và sử dụng các phương pháp duy lý và thực tế để đạt được một số mục đích.

Bronislaw Malinowski phân biệt giữa khoa học và ma thuật. Những lập luận của ông được ứng dụng rộng rãi trong nghiên cứu nhân học về tôn giáo và ma thuật: “Khoa học, thậm chí khi được tạo ra bởi kiến thức

nguyên thủy của người nông dân, dựa trên những kinh nghiệm phổ biến bình thường của cuộc sống hằng ngày, những kinh nghiệm được thu thập trong quá trình đấu tranh của con người với thiên nhiên để tồn tại, được xây dựng bởi quan sát và được cố định bởi lý trí. Ma thuật dựa trên kinh nghiệm cụ thể của những trạng thái tinh thần, trong đó con người không phải quan sát thiên nhiên mà là bản thân họ, trong đó sự thật được bộc lộ không chỉ bằng lý trí, mà còn bằng hoạt động của tình cảm trên cơ thể con người. Khoa học được xây dựng trên lòng tin vững chắc rằng kinh nghiệm, nỗ lực và lý trí là có giá trị. Ma thuật được thiết lập với niềm tin rằng, hy vọng không thể thất bại và lòng ham muốn không thể lừa dối. Những lý thuyết được chỉ đạo bởi logic, lý thuyết của ma thuật được chỉ đạo bởi một liên kết các ý tưởng dưới sự ảnh hưởng của lòng ham muốn”¹⁶.

Ví dụ, người nông dân kiếm kế sinh nhai bằng trồng hoa màu. Có nhiều vấn đề khác nhau (thiên nhiên, cây trồng, đất canh tác, v.v...) tác động đến sự thành công của họ. Thất bại sản xuất hoa màu có thể dẫn tới thiếu ăn hoặc chết đói đối với gia đình. Những người nông dân hiểu biết rất rõ về nghề nông của họ. Họ cũng quen thuộc với nhiều loại đất, biết thời gian nào là tốt nhất để trồng trọt, biết làm hình nộm để đuổi chim thú, xây bờ rào để bảo vệ hoa màu khỏi động vật phá hoại. Nhưng mặc cho họ làm ruộng chăm chỉ và cẩn thận đến thế nào, những điều không may vẫn có thể xảy ra: hạn hán, dịch bệnh phá hoại mùa màng. Họ phân vân tự hỏi, vì sao điều này lại xảy ra với tôi, tôi có thể làm gì để ngăn cản những rủi ro? Để trả lời câu hỏi này, người nông dân có thể thực hành ma thuật để kêu cầu tới các vị thần thánh. Họ có thể làm lễ dâng cúng và cầu mong các vị thần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ hoa màu, giúp cho mùa vụ bội thu. Dù sao, những hoạt động cầu cúng này còn phụ thuộc vào nhiều điều, liệu sự mong mỏi những điều tốt đẹp nhất có diễn ra hay không?

Trong quan điểm của những nhà Nhân học thời kỳ đầu từ Edward Tylor, James Frazer đến Bronislaw Malinowski đều cho rằng, ma thuật mang tính vị lợi và tính trung gian. Ma thuật có thể được sử dụng đối với mục đích tích cực hoặc tiêu cực. Ma thuật được thực hiện với những kỹ thuật huyền bí và phải được làm đúng kiểu cách. Con người có thể sử dụng ma thuật để cầu cho nhân khang vật thịnh, hay với mục đích giành người yêu, hoặc làm cho người khác bất hạnh. Giống như Edward Tylor, James Frazer tin rằng, ma thuật là giả khoa học, dựa trực tiếp vào hành

động. Là người theo trường phái tiến hóa luận, James Frazer cho rằng, ma thuật ở giai đoạn sớm của sự tiến hóa văn hóa loài người, và nó sẽ được thay thế bằng tôn giáo. Một số nhà nghiên cứu thuộc trường phái tiến hóa tin rằng, tôn giáo sẽ nhường chỗ cho khoa học hiện đại. Dĩ nhiên, chẳng có điều gì xảy ra. Trong hầu như tất cả các xã hội, ma thuật, tôn giáo và khoa học vẫn đồng thời tồn tại với những thực hành và nguyên lý riêng của chúng.

Ma thuật khác với khoa học ở chỗ, những hành động nghi lễ không thể chứng minh bằng thực tiễn. Giá trị của chúng không thể cân đo, xác minh bằng thực chứng¹⁷. Vấn đề ở chỗ, ma thuật không bị phê phán ở góc độ tiêu chí đúng hay sai, nhưng theo chuẩn mực và mục đích khác. Ví dụ, thầy cúng không làm lễ đúng kiểu và không đặt tượng đúng vị trí trên bàn thờ, ông và gia đình có thể sẽ chịu hậu quả. Nghiên cứu của Vũ Hồng Thuật cho biết trường hợp một gia chủ không nghe lời thầy cúng đi lấy bùa trấn trạch vào ngày rằm, mà đến sớm hơn một ngày, bùa đã không có tác dụng trong việc trị bệnh cho vợ anh. Đến tháng sau, anh đi lấy bùa trấn trạch khác vào đúng ngày rằm theo chỉ dẫn của thầy cúng, bệnh tình của vợ anh thuyên giảm sau một tuần¹⁸. Có thể nói, đối với người Việt, ý tưởng ma thuật, theo Leopold Cadière, “gần như bao trùm hết mọi hình thức phụng tự, hay ít nhất thì nó lẫn vào những hành vi chính yếu của việc phụng tự và hầu hết những trường hợp cúng tế. Việc cúng tế là quan trọng hơn cả, bởi vì làm thỏa lòng các quyền lực siêu nhiên và mang về cho mình được nhiều ân huệ. Vì thế cần phải được thần thánh chấp nhận; phải dâng cúng đúng lúc, vào đúng trường hợp để chắc chắn được ưng thuận”¹⁹.

Emile Durkheim cũng cho rằng, có thể phân biệt ma thuật với tôn giáo. Theo đó, không giống như các nghi lễ tôn giáo có xu hướng liên quan đến toàn thể cộng đồng, ma thuật thường tập trung vào sự cần thiết và điều mong muốn của một cá nhân. Chẳng hạn, người nông dân muốn có mưa, người đàn ông trẻ muốn có vợ, người phụ nữ cần chữa bệnh. Đối lập với nghi lễ tôn giáo mà nó được tiến hành vì mục đích tốt cho cộng đồng, ma thuật hướng tới mục đích cuối cùng rất thực tế, niềm mong mỏi cá nhân, người thụ lễ và người làm lễ²⁰.

3. Nghiên cứu ma thuật trong Nhân học

Quan điểm của các nhà nhân học thời kỳ đầu về công hiệu của hoạt động ma thuật nhấn mạnh vào tính phi lý và phi logic của nó, dựa trên

các tiêu chuẩn thực nghiệm Châu Âu đương thời. Các quan điểm liên ngành sau này và quan điểm liên ngành hiện nay lại thừa nhận các loại hình thờ cúng và hoạt động ma thuật có cơ sở thực tế dựa trên quan sát và kinh nghiệm tự nhiên. Hoạt động ma thuật hướng đến việc sắp xếp và tạo ra trải nghiệm có ý nghĩa của con người và kiểm soát hoặc hòa giải xã hội và cá nhân thông qua sự thể hiện mang tính biểu trưng²¹. Tuy nhiên, trong lịch sử học thuật, những hệ thống ma thuật này được coi là không đạt được những kết quả tương tự hoặc thiết lập những mô hình tương tự như các ngành khoa học tự nhiên Phương Tây hiện đại, không làm mất hiệu lực hoặc giảm bớt hoạt động của chúng. Lịch sử phương pháp tiếp cận khoa học đối với các thực hành ma thuật thực sự có xu hướng bị bóp méo, thậm chí ngăn cản sự tìm hiểu mang tính học thuật về mối tương tác của các hệ thống tôn giáo, khoa học và ma thuật.

Các nền văn hóa trong lịch sử trước đây cũng như ngày nay có liên quan đến các loại hình thờ cúng và hoạt động ma thuật có nhiều số liệu và thông tin về truyền thống ma thuật trong tài liệu của giới trí thức (bản viết tay và bản in) và tài liệu của dân chúng (truyền miệng, sưu tầm thành văn bản). Ví dụ, tài liệu của giới trí thức về thuật làm bùa giả kim và tài liệu trong dân chúng nói về công thức làm bùa mê và bùa may mắn. Hay các tài liệu về thuyết vũ trụ và thuật chiêm tinh mang tính triết học ăn khớp với các bản hướng dẫn phổ biến việc đoán số tử vi và giải đoán chiêm tinh, cũng như trong niên giám chiêm tinh dân gian. Nhiều nền văn hóa trên thế giới giàu tri thức về ma thuật, sở hữu cả một kho khổng lồ sách cúng và những nghi thức ma thuật. Những tri thức này được trao truyền bằng miệng.

Nghiên cứu ma thuật từ góc độ Nhân học đã phát triển hơn một thế kỷ qua, kể từ những công trình nghiên cứu cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX của Edward Tylor và James Frazer. Edward Tylor là một nhà tiến hóa luận xã hội. Ông nhìn thấy tôn giáo tiến hóa từ các điều kiện đơn giản và nguyên thủy. Ông cho rằng, một số khía cạnh của tôn giáo sớm, kém phát triển còn tồn sót ở các tộc người như là hóa thạch trong tôn giáo tiến hóa. Edward Tylor xếp ma thuật vào trong tầng lớp thấp của tôn giáo tiến hóa hơn là tôn giáo thực sự như được thực hành vào cuối thế kỷ XIX ở Châu Âu, trong đó Hồn linh giáo là nhận thức “nguyên thủy sai lầm về thế giới tự nhiên đặt linh hồn vào những vật vô tri vô giác²². Theo nhà nhân học này, những quan niệm theo hướng vạn vật

đều có linh hồn hoàn toàn thuộc về thời sơ khai của loài người, không phải ở thời hiện đại. Còn James Frazer nhìn thấy ma thuật là logic sai lầm về sự truyền cảm hay lây nhiễm. Ông giải thích, nếu tôi đâm cái kim vào con búp bê làm giống kẻ thù của tôi, tôi có thể làm cho kẻ thù bị đau truyền cảm. Nếu tôi ăn trộm cái gì đó từ một người may mắn, sự may mắn của họ sẽ lây nhiễm sang tôi.

Ma thuật và tôn giáo trở thành nội dung trung tâm tác phẩm *The Golden Bough* của James Frazer. Theo nhà Nhân học này, ma thuật giao cảm (sympathetic magic) bao gồm hai tiểu loại nói về các phương thức công hiệu của ma thuật: Một là, phép vi lượng đồng cân (homeopathic magic). Đây là ma thuật hoạt động thông qua hành động tương đồng gián tiếp, sự giống nhau sản sinh ra sự giống nhau; Hai là, phép lây nhiễm (contagious magic). Đây là ma thuật hoạt động thông qua hành động tiếp xúc trực tiếp có ảnh hưởng đến kết quả mong muốn. Hành động ma thuật có thể đồng thời biểu thị cả hai phương thức công hiệu này, vì về nguyên tắc hoạt động, chúng bổ trợ lẫn nhau chứ không loại trừ nhau. Ví dụ, một bùa mê tình yêu có thể dùng các chất vi lượng đồng cân (thảo dược, đá, vải... là những vật, xét về mặt tượng trưng hoặc tác dụng chữa bệnh, gắn liền với tình yêu và mong muốn tăng thêm) cũng như các chất hoạt động qua sự lây nhiễm (một món tóc hoặc một vật dụng mà người bị bỏ bùa xé hoặc sờ phải). James Frazer cho rằng, thời đại của phép thuật được thay thế bởi tôn giáo, cũng đồng thời là kỷ nguyên của niềm tin vào thánh thần (một vị thần hay nhiều vị thần) phải nhường lại cho thời đại thứ ba và thời đại tiếp theo của tư duy con người, thời đại của khoa học đang đến với chúng ta²³.

Những nhà Nhân học đầu tiên nghiên cứu ma thuật dưới góc độ vị chủng luận. Trong sách *Primitive Cultures*, Edward Taylor cho rằng, ma thuật là một hình thức logic của tư duy, mà logic lại dựa vào những tiền đề xấu xa hay tồi tệ. Theo ông, trong văn hóa của các bộ lạc nguyên thủy, những thầy pháp có những cách tiếp cận giống như một nhà khoa học. Nhưng các thầy pháp mắc sai lầm, vì họ cho rằng, mối quan hệ nhân quả không tồn tại đơn giản vì các sự vật có vẻ giống nhau. Thêm nữa, Edward Tylor không đặt ma thuật vào trong thể giới của tôn giáo, vì không có thần thánh liên quan, mà theo ông, thần thánh là những yếu tố quan trọng cần thiết để nhận diện tôn giáo. Ngày nay, các nhà Nhân học lại cho rằng, ma thuật mang tính tôn giáo, vì nó có mối liên hệ với các cơ chế mang

tính siêu nhiên, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Những nhà Nhân học thời kỳ đầu và một số nhà nghiên cứu ngày nay vẫn tách ma thuật thành một phạm trù riêng khỏi tôn giáo²⁴.

James Frazer và Edward Tylor đều cho rằng, ma thuật như là một phần của tư duy sai lầm và lây nhiễm mà họ gán ghép cho những điều kiện xã hội nguyên thủy và ít tiến hóa về những tộc người mà họ nghiên cứu. Họ nhìn thấy những ví dụ về ma thuật trong xã hội như là tàn dư của thời nguyên thủy. Đánh giá quan điểm của các nhà nhân học đầu tiên nghiên cứu về ma thuật, trong công trình *Magic, Science, Religion and the Scope of Rationality*, Stanley Tambiah cho rằng, những người tiên phong nghiên cứu tôn giáo và ma thuật có quan điểm hời hợt và không quan tâm đến những trải nghiệm tôn giáo của con người. James Frazer và Edward Tylor dựa vào những bài viết, ghi chép của những người du lịch, người truyền giáo và người phục vụ cho chế độ thực dân. Hai ông có thể coi là các nhà Nhân học “ghế bành”, nghĩa là không nghiên cứu thực tế và không tiếp xúc với những người là đối tượng mà hai ông lý giải, suy luận về văn hóa của họ. Đến đầu thế kỷ XX, các nhà nhân học đã chú trọng nghiên cứu điền dã, cố gắng thể hiện hình ảnh hiện thực hơn về những con người, tộc người mà họ nghiên cứu. Nhiều quan điểm về thực hành thờ cúng, ma thuật đã thay đổi, để lại nhiều di sản quý báu cho học thuật hiện đại, tiêu biểu là Bronislaw Malinowski.

(Kỳ sau đăng tiếp)

CHÚ THÍCH:

- 1 Danh từ magic trong tiếng Anh có nghĩa ma thuật, yêu thuật, ảo thuật, ma lực, sức lôi cuốn, phép kỳ diệu, phép thần thông; động từ magic có nghĩa làm ảo thuật cho cái gì biến mất.
- 2 Xem thêm: Dictionary.reference.com/browse/magic.
- 3 Xem thêm: John Middleton (2005), “Magic: Theories of Magic”, trong Lindsay Jones chủ biên, *Encyclopedia of Religion*, tái bản lần thứ hai, Thomson Gale, Detroit: 5562.
- 4 Vũ Hồng Thuật (2013), *Nghiên cứu so sánh văn hóa bùa chú của người Kinh hai nước Việt - Trung*, Luận án Tiến sĩ Nhân học, Trường Đại học Văn Nam, Trung Quốc; Trương Bằng, *Lý giải ma thuật*, <http://baike.baidu.com/view/22158.htm>.
- 5 http://en.wikipedia.org/wiki/Magic_%28paranormal%29.
- 6 Cao Quốc Phiên (1990), *Bước đầu tìm hiểu các tập tục và cổ tục lưu truyền ở Trung Quốc*, tái bản lần thứ hai, Nxb. Đại học Hà Hải.

- 7 Vũ Hồng Thuật và Roy W. Hamilton (2003), “Tro Trám Festival and the Veneration of Ngo Thi Thanh in a Vietnamese Village”, trong Roy W. Hamilton chủ biên, *The Art of Rice: Spirit and Sustenance in Asia*, UCLA Fowler Museum of Cultural History, Los Angeles: 220 - 239.
- 8 Vũ Hồng Thuật (2004), “Nghiên cứu nghi lễ ma thuật trong động Hương Tích - Chùa Hương”, *Văn hóa Phật giáo*, số 1: 14-19.
- 9 Vũ Hồng Thuật (2008), “Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trấn trạch”, trong Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm tuyển chọn, *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới: 227 - 258.
- 10 Nguyễn Thị Hiền (2012), “Khái niệm tôn giáo từ góc độ nhân học”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10: 24 - 33.
- 11 O'Connor, Kathleen Malone (1997), “Magic”, trong Thomas A. Green chủ biên, *An Encyclopedia of Beliefs, Customs, Tales, Music and Art*, tập II, ABC-CLIO, California: 521.
- 12 Xem: Keith V. Thomas (1971), *Religion and the Decline of Magic: Studies in Popular Beliefs in Sixteenth and Seventeenth Century England*, Weidenfeld & Nicolson, London; Frances A. Yates (1979), *Giordano Bruno and the Hermetic Tradition*, University of Chicago Press, Chicago; Carlo Ginzburg (1985), *Night Battles: Witchcraft and Grarian Cults in the Sixteenth and Seventeenth Centuries*, Penguin, New York; John Butler (1979), “Magic, Astrology, and the Early American Religious Heritage, 1600 - 1760”, *American Historical Review*, No. 2: 317 - 346; Valerie I.J. Flint (1990), *The Rise of Magic in Early Medieval Europe*, Princeton University Press, Princeton.
- 13 O'Connor, Kathleen Malone (1997), “Magic”, Sdd: 521 - 523.
- 14 Stanley J. Tambiah (1990), *Magic, Science, and the Scope of Rationality*, Cambridge University Press, Cambridge.
- 15 Nguyễn Quốc Tuấn (2011), “Bàn thêm về tín ngưỡng tôn giáo bản địa Việt Nam qua sự kiện ngày quốc lễ giỗ Tổ Hùng Vương”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7; Nguyễn Quốc Tuấn (2013), “Nhận thức lại các khái niệm ‘tín ngưỡng’ và ‘tôn giáo’ từ góc độ nghiên cứu tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8; Nguyễn Thị Hiền (2012), “Khái niệm tôn giáo từ góc độ nhân học”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
- 16 Bronislaw Malinowski (1992), *Magic, Science and Religion*, Waveland Press, Illinois: 87.
- 17 Stanley J. Tambiah (1990), *Magic, Science, and the Scope of Rationality*, Sdd.
- 18 Vũ Hồng Thuật (2008), “Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trấn trạch”, Bdd.
- 19 Leopold Cadière (2006), “Tôn giáo người Việt”, trong Đỗ Trinh Huệ biên khảo, *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadière*, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 103 - 154.
- 20 Emile Durkheim (Joseph Ward Swain dịch từ tiếng Pháp, 1965), *The Elementary Foms of the Religious Lifes*, The Free Press, New York.
- 21 Stanley J. Tambiah (1979), *A Performative Approach to Ritual*, The British

Academy and Oxford University Press, London.

22. E. B. Tylor (1871), *Primitive Culture: Researches into the development of Mythology, Philosophy, Religion, Language, Art and Custom*, J. Muray, London.
23. D. S. Pals (1986), *Seven Theories of Religion*, Oxford University Press, Oxford.
24. Stanley J. Tambiah (1990), *Magic, Science, and the Scope of Rationality*, Sdd.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Emily M. Ahern (1979), “The Problem of Efficacy: Strong and Weak Illocutionary Acts”, *Man*, No. 14: 1 - 17.
2. John L. Austin (1975), *How to do Things with Words*, Oxford University Press, Oxford.
3. Trương Bằng, *Lý giải ma thuật*, <http://baike.baidu.com/view/22158.htm>.
4. John Butler (1979), “Magic, Astrology and the Early American Religious Heritage, 1600 - 1760”, *American Historical Review*, No. 2: 317 - 346.
5. Leopold Cadière (2006), “Tôn giáo người Việt”, trong Đỗ Trinh Huệ biên khảo, *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadière*, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 103 - 154.
6. Emile Durkheim (Joseph Ward Swain dịch từ tiếng Pháp, 1965), *The Elementary Foms of the Religious Lifes*, The Free Press, New York.
7. Edward E. Evans-Pritchard (1937), *Witchcraft, Magic, and Oracles among the Azande*, Clarendon, Oxford.
8. Alfred Gell (1998), “Technology and Magic”, *Anthropology Today*, No. 2: 6 - 9.
9. Alfred Gell (1998), *Art and Agency: An Anthropological Theory*, Clarendon Press, Oxford.
10. Valerie I.J. Flint (1990), *The Rise of Magic in Early Medieval Europe*, Princeton University Press, Princeton.
11. James G. Frazer (1922), *The Golden Bough*, Macmillan, London.
12. Carlo Ginzburg (1985), *Night Battles: Witchcraft and Grarian Cults in the Sixteenth and Seventeenth Centuries*, Penguin, New York.
13. O'Connor, Kathleen Malone (1997), “Magic”, trong Thomas A. Green chủ biên, *An Encyclopedia of Beliefs, Customs, Tales, Music, and Art*, tập II, ABC-CLIO, California: 519 - 528.
14. Nguyễn Cung Hà (2013), “Hóa giải một số căn bệnh chưa rõ nguyên nhân và một vài suy nghĩ về hoạt động ngoại cảm”, trong *Gặp gỡ và giao lưu giữa Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Tiềm năng Con người với những người có khả năng đặc biệt năm 2013*, Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Tiềm năng Con người, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam: 48 - 56.
15. Nguyễn Thị Hiền (1998), *Then in Tày Traditional Culture and Soul-Calling Ritual*, Luận văn Thạc sĩ Nhân học, Indiana University, Bloomington.
16. Nguyễn Thị Hiền (2010), “Bệnh âm: chẩn đoán và chữa bệnh trong nghi lễ lên đồng của người Việt”, trong Lương Văn Hy cùng cộng sự, *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: 37 - 51.

17. Nguyễn Thị Hiền (2012), “Khái niệm tôn giáo từ góc độ nhân học”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10: 24 - 33.
18. Shaun Malarney (2002), *Culture, Ritual, and Revolution in Vietnam*, Routledge Curzon, London.
19. Bronislaw Malinowski (1992), *Magic, Science and Religion*, Waveland Press, Illinois.
20. Marcel Mauss và Henri Hurbert (R. Brian dịch từ tiếng Pháp, 1972), *A General Theory of Magic*, Norton, New York.
21. John Middleton (2005), “Magic: Theories of Magic”, trong Lindsay Jones chủ biên, *Encyclopedia of Religion*, tái bản lần thứ hai, Thomson Gale, Detroit: 5562 - 5569.
22. D. S. Pals (1986), *Seven Theories of Religion*, Oxford University Press, Oxford.
23. Cao Quốc Phiên (1990), *Bước đầu tìm hiểu các tập tục và cổ tục lưu truyền ở Trung Quốc*, tái bản lần thứ hai, Nxb. Đại học Hà Hải.
24. Stanley J. Tambiah (1969), “The Magical Power of Words”, *Man*, No. 3: 175 - 208.
25. Stanley J. Tambiah (1979), *A Performative Approach to Ritual*, The British Academy and Oxford University Press, London.
26. Stanley J. Tambiah (1990), *Magic, Science, and the Scope of Rationality*, Cambridge University Press, Cambridge.
27. Keith V. Thomas (1971), *Religion and the Decline of Magic: Studies in Popular Beliefs in Sixteenth and Seventeenth Century England*, Weidenfird & Nicolson, London.
28. Vũ Hồng Thuật và Roy W. Hamilton (2003), “Tro Tram Festival and the Veneration of Ngo Thi Thanh in a Vietnamese Village”, trong Roy W Hamilton chủ biên, *The Art of Rice: Spirit and Sustenance in Asia*, UCLA Fowler Museum of Cultural History, Los Angeles: 220 - 239.
29. Vũ Hồng Thuật (2004), “Nghiên cứu nghi lễ ma thuật trong động Hương Tích - Chùa Hương”, *Văn hóa Phật giáo*, số 1: 14 - 19.
30. Vũ Hồng Thuật (2008), “Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trấn trạch”, trong Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Chăm tuyển chọn, *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới: 227 - 258.
31. Vũ Hồng Thuật (2011), “Bước đầu tìm hiểu các loại hình bùa chú của người việt”, trong *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập VII, Nxb. Khoa học xã hội: 403 - 426.
32. Vũ Hồng Thuật (2013), *Nghiên cứu so sánh văn hóa bùa chú của người Kinh hai nước Việt - Trung*, Luận án Tiến sĩ Nhân học, Trường Đại học Văn Nam, Trung Quốc.
33. Nguyễn Anh Tuấn (2008), “Tìm cốt người âm”: Hiện tượng tìm mộ bằng ngoại cảm ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới”, trong Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Chăm tuyển chọn, *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới: 259 - 284.

34. Nguyễn Quốc Tuấn (2011), “Bàn thêm về tín ngưỡng tôn giáo bản địa Việt Nam qua sự kiện ngày quốc lễ giỗ Tổ Hùng Vương”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
35. Nguyễn Quốc Tuấn (2013), “Nhận thức lại các khái niệm ‘tín ngưỡng’ và ‘tôn giáo’ từ góc độ nghiên cứu tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8.
36. E. B. Tylor (1871), *Primitive Culture: Researches into the development of Mythology, Philosophy, Religion, Language, Art and Custom*, J. Muray, London.
37. Frances A. Yates (1979). *Giordano Bruno and the Hermetic Tradition*, University of Chicago Press, Chicago.

Abstract

MAGIC: IDENTIFY AND RESEARCH ON ANTHROPOLOGY (PART 1)

In anthropology, it is justifiable and urgent to organize discussions on magic in terms of religion's experience and expression. This article mentioned views and disputations over the concept of magic as a part of the anthropology of religion and the relation among magic, religion and science. It also analysed some typical views in researching on magic in the anthropological perspective over the last century; focused on the social and spiritual issues which were contributed by magic; proposed the issues that the contemporary sciences need to concern and have a right behaviour with practice on magic which can not be explained by the experimental science. The cases of human life relate to practice of magic in Vietnam and in the world which need to research in view of the sciences in order to discover the diversity of life, the natural phenomena and their relations.

Keywords: Anthropology, magic, practice, religion, science.